

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

18. Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng nơi triển khai ứng dụng công nghệ chuyển giao để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ. 2. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ; b) Văn bản về tư cách pháp lý của bên đề nghị; c) Tài liệu giải trình về công nghệ; d) Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật; đ) Tài liệu giải trình về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 1, Mẫu số 2 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Mẫu

Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ

.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

.....
Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: {Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng}

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽²⁾

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ
.....⁽³⁾ với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...):

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email:
- Fax:..... Website:
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Số căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức:
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...):

II. Nội dung chuyển giao công nghệ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....⁽³⁾
- Thời hạn chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ:	
- Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ...	
+ Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐
+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐

3. Dự kiến sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...).

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo.

Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên giao công nghệ	☐
Tài liệu giải trình về công nghệ ⁽⁵⁾	☐
Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật ⁽⁶⁾	☐
Tài liệu về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ⁽⁷⁾	☐
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)	☐

.....⁽¹⁾ thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ⁽³⁾ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽⁸⁾

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.

- (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (3): Công nghệ đề nghị chấp thuận; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

- (4): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- (5): Mẫu tài liệu giải trình công nghệ ban hành kèm theo Nghị định này.

- (6): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

- (7): Giải trình rõ các nội dung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng, khí thải, nước thải, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường,...

- (8): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “✓” vào trong ô trống.

Mẫu

Tài liệu giải trình công nghệ

TÀI LIỆU GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)

1. Sự cần thiết phải chuyển giao công nghệ

a) Phân tích, đánh giá, so sánh về các công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng trong nước, trên thế giới, khu vực đối với công nghệ đề nghị chấp thuận.

b) Nhu cầu chuyển giao công nghệ.

2. Thuyết minh về công nghệ

Thuyết minh về công nghệ thể hiện các nội dung sau:

a) Tên công nghệ;

b) Nguồn gốc xuất xứ công nghệ;

c) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

d) Thị trường tiêu thụ sản phẩm (xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);

đ) Công nghệ đã được kiểm chứng, ứng dụng vào thực tế (tại những quốc gia nào) hoặc chưa được áp dụng;

e) Nội dung công nghệ chuyển giao:

- Đối tượng công nghệ chuyển giao;

- Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ.

g) Sơ đồ, quy trình và thông số kỹ thuật chính của công nghệ;

h) Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đi kèm (dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ);

i) Các yêu cầu về nhân lực đối với Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ;

k) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao;

l) Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽¹⁾

Ghi chú:

- (1): Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai các trang của Tài liệu giải trình;
trường hợp là cá nhân phải ký tắt vào từng trang của Tài liệu giải trình công nghệ).

19. Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ. <i>(Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng nơi triển khai ứng dụng công nghệ chuyển giao).</i> 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu. 3. Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.)
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; b) Văn bản về tư cách pháp lý của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ;

	c) Bản gốc bằng tiếng Việt hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ; trường hợp không có hợp đồng bằng tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng hoặc chứng thực; d) Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; đ) Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có); e) Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ do ứng dụng công nghệ chuyển giao; g) Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ; h) Văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp bên nhận chuyển giao công nghệ sử dụng vốn nhà nước.
Thời hạn giải quyết	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.)
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức và cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép chuyển giao công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 3, Mẫu số 4 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Mẫu

Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: {Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng}

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽²⁾

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép chuyển giao công nghệ-
⁽³⁾ với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:.....

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...):

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):.....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email:
- Fax:..... Website:
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Số căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức:
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...):

II. Nội dung chuyển giao công nghệ:

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....⁽³⁾
- Thời gian thực hiện chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ:	
- Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ...	
+ Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐
+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập	☐
Dự án đầu tư	☐

Phân chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
	Nhượng quyền thương mại		☐
	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ		☐
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
		Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (nếu có) ⁽⁵⁾			☐

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	☐
Đào tạo	☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Phương thức chuyển giao khác (nếu có) ⁽⁶⁾	☐

5. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐

	Độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

6. Giá, phương thức thanh toán

6.1. Giá chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Giá
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ ⁽⁷⁾	
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ	
3	Đào tạo	
3.1	Đào tạo nước ngoài	
3.2	Đào tạo trong nước	
4	Hỗ trợ kỹ thuật	
5	Máy móc, thiết bị	
Tổng:		

6.2. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa		☐
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần)		☐
Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh		☐
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần		☐
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	☐
	Sau thuế của bên nhận	☐
Phương thức thanh toán khác ⁽⁸⁾		☐

7. Sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng⁽⁹⁾;
- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được)⁽¹⁰⁾.

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo:

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt ⁽¹¹⁾	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng (nước ngoài) ⁽¹¹⁾	☐
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức);	☐
Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước ⁽¹²⁾	☐
Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ) các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có)	☐
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có)	☐
Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	☐
Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ ⁽¹³⁾	☐
Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ)	☐

.....⁽¹⁾ thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ⁽³⁾ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo; cam kết các nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu được cấp phép, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽¹⁴⁾

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

- (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (3): Công nghệ đề nghị cấp phép; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

- (4): Trường hợp là cá nhân, phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- (5): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (6): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (7): Ghi cụ thể giá của từng nội dung chuyển giao công nghệ.

- (8): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức thanh toán theo quy định nào của pháp luật.

- (9): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) dự kiến do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra.

- (10): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm.

- (11): Nộp một trong hai trường hợp, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

- (12): Trường hợp công nghệ được tạo ra bằng vốn nhà nước hoặc sử dụng vốn nhà nước để mua công nghệ.

- (13): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

- (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “✓” vào trong ô trống.

Mẫu
Giấy phép chuyển giao công nghệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/GP-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

GIẤY PHÉP
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH / THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ của⁽¹⁾ ngày tháng năm

Xét đề nghị của

CẤP PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1.⁽²⁾ chuyển giao công nghệ cho⁽³⁾ theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ số ngày .../.../.... gồm những nội dung sau:

- a) Tên công nghệ;
- b) Đối tượng công nghệ được chuyển giao;
- c) Phương thức chuyển giao công nghệ;
- d) Hình thức chuyển giao công nghệ;
- đ) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

e) Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Trách nhiệm của Bên giao công nghệ:

a) Trách nhiệm trong chuyển giao công nghệ (gồm đối tượng công nghệ, phương thức chuyển giao) để Bên nhận công nghệ sản xuất được các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã xác định trong Hợp đồng;

b) Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

c) Trách nhiệm về bảo hành công nghệ được chuyển giao;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Trách nhiệm của Bên nhận công nghệ:

a) Trách nhiệm trong việc tổ chức tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao trong thời hạn của Hợp đồng;

b) Trách nhiệm trong việc thanh toán giá trị Hợp đồng cho Bên giao;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Trách nhiệm trong việc báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định

5. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận khi kết thúc Hợp đồng

6. Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng năm

Nơi nhận:

- Bên giao công nghệ;
- Bên nhận công nghệ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở....;⁽⁴⁾
- Cơ quan quản lý thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;⁽⁵⁾
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

- (2): Bên giao công nghệ.

- (3): Bên nhận công nghệ.

- (4): Nơi ứng dụng công nghệ được chuyển giao.

- (5): Nơi Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) hoặc Bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) đặt trụ sở chính (đối với tổ chức) hoặc nơi đăng ký mã số thuế cá nhân (đối với cá nhân).

20. Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ tới Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo nơi cư trú (đối với cá nhân) hoặc cấp đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); 2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ; 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 12, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 5 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; b) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp nộp trực tiếp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp gửi qua đường bưu điện: Gửi bản sao có chứng thực); c) Danh sách các chuyên gia đánh giá công nghệ, trong đó thể hiện các thông tin về tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá; kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi đánh giá viên công nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao chứng thực bằng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 số 76/2018/NĐ-CP,

	tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia. Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức và Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia theo Mẫu số 6 và Mẫu số 7 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; d) Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 5, Mẫu số 6 và Mẫu số 7 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mẫu

**Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ đánh giá công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành.....¹, trong lĩnh vực²

5. Hồ sơ kèm theo:

-
-

¹ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

² Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu**Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ****TÊN TỔ CHỨC:****DANH SÁCH
CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC****Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức đánh giá công nghệ:**

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
...							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của chuyên gia đánh giá công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia
đánh giá công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ
CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:..... **Fax:**..... **E-mail:**.....

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá công nghệ	Kết quả đánh giá công nghệ
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

21. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ tới Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo nơi cư trú (đối với cá nhân) hoặc cấp đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); 2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ; 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP , trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 8 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ- CP; b) Danh sách sửa đổi, bổ sung các chuyên gia đánh giá công nghệ, trong đó thể hiện các thông tin về tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá công nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao chứng thực bằng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 số 76/2018/NĐ-CP; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia. Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ bổ sung, sửa đổi của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ

	của chuyên gia đánh giá công nghệ bổ sung, sửa đổi theo Mẫu số 9 và Mẫu số 10 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ- CP.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 8, Mẫu số 9, Mẫu số 10, Mẫu 12 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mẫu

**Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ đánh giá công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ số:..... ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành.....³, trong lĩnh vực⁴

4. Hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể ngành.....⁵, lĩnh vực⁶ đề nghị bổ sung) hoặc danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ sửa đổi, bổ sung (họ tên, năm sinh, trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức).

³ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

⁴ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

⁵ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

⁶ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

5. Hồ sơ kèm theo:

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được sửa đổi, bổ sung điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với..... (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực đề nghị bổ sung).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ

TÊN TỔ CHỨC:

DANH SÁCH

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC

Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức đánh giá công nghệ:

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
...							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của chuyên gia đánh giá công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia
đánh giá công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ
CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá công nghệ	Kết quả đánh giá công nghệ
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

22. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Việc cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đánh giá công nghệ bị mất, hư hỏng Giấy chứng nhận hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức; 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này cho tổ chức, trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do)
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục 6 Nghị định số 133/NĐ- CP; b) Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đánh giá công nghệ

Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 11, Mẫu số 12 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mẫu

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ đánh giá công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ số:..... ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành.....⁷, trong lĩnh vực⁸

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ:

5. Hồ sơ kèm theo:

-

⁷ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

⁸ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho.....(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ

(TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức)

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành.....⁹, trong lĩnh vực.....¹⁰

2. Số đăng ký:

⁹ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

¹⁰ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Lưu VT,...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

(Ký tên, đóng dấu)

23. Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ tới Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo nơi cư trú (đối với cá nhân) hoặc cấp đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); 2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ; 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo Mẫu số 13; b) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp nộp trực tiếp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp gửi qua đường bưu điện: Gửi bản sao có chứng thực); c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; d) Danh sách các giám định viên công nghệ; kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3

	Điều 36 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên. Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15; đ) Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình giám định công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần giám định; e) Mẫu chứng thư giám định của tổ chức.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 13, Mẫu 14, Mẫu 15 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

	- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
--	---

Mẫu số 13

Mẫu

**Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ giám định công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch

vụ giám định công nghệ đối với ngành.....¹¹, trong lĩnh vực¹²

5. Hồ sơ kèm theo:

-
-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹¹ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

¹² Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu

Danh sách giám định công nghệ

TÊN TỔ CHỨC:

DANH SÁCH

GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC

Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức giám định công nghệ:

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
...							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của giám định viên công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:..... **Fax:**..... **E-mail:**.....

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định công nghệ ¹	Kết quả giám định công nghệ
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

24. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Việc sửa đổi, bổ sung được áp dụng đối với trường hợp tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ bổ sung, mở rộng, thu hẹp lĩnh vực công nghệ đánh giá hoặc thay đổi chuyên gia giám định công nghệ 2. Tổ chức đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ tới Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo nơi cư trú (đối với cá nhân) hoặc cấp đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); 3. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ; 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo Mẫu số 16; b) Danh sách sửa đổi, bổ sung các giám định viên công nghệ, trong đó thể hiện các thông tin về tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần giám định, kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; bản sao chứng thực bằng cấp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài

	liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên. Danh sách giám định viên công nghệ bổ sung, sửa đổi của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ bổ sung, sửa đổi theo Mẫu số 17 và Mẫu số 18.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 16, Mẫu 17, Mẫu 18 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mẫu

**Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ giám định công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ số:..... ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành.....¹³, trong lĩnh vực¹⁴

4. Hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể ngành.....¹⁵, lĩnh vực¹⁶ đề nghị bổ sung) hoặc danh sách giám định viên công

¹³ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

¹⁴ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

¹⁵ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

¹⁶ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

nghệ sửa đổi, bổ sung (họ tên, năm sinh, trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức).

5. Hồ sơ kèm theo:

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được sửa đổi, bổ sung điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với..... (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực đề nghị bổ sung).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

Danh sách giám định công nghệ

TÊN TỔ CHỨC:

DANH SÁCH

GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC

Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức giám định công nghệ:

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
...							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của giám định viên công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18

Mẫu

Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:..... **Fax:**..... **E-mail:**.....

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định công nghệ ¹	Kết quả giám định công nghệ
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

25. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Việc cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ bị mất, hư hỏng Giấy chứng nhận hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức; 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 20 cho tổ chức, trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do)
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo Mẫu số 19; b) Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 19, Mẫu 20 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mẫu

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
dịch vụ giám định công nghệ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ số:..... ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành.....¹⁷, trong lĩnh vực¹⁸

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ:

5. Hồ sơ kèm theo:

-

¹⁷ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

¹⁸ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho.....(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ

(TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức)

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành.....¹⁹, trong lĩnh vực.....²⁰

2. Số đăng ký:

¹⁹ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

²⁰ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Lưu VT,...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

26. Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Mục V.1 của Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. 2. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không hợp lệ, cần bổ sung hoặc sửa đổi. 3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 22 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP); trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ theo quy định. 4. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do. Kinh phí tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước.
Cách thức thực hiện	Hình thức nộp: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị xác nhận (theo Mẫu số 21 tại Phụ lục 6 133/2025/NĐ-CP). b) Thuyết minh về phương tiện vận tải chuyên dùng đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.

	c) Tài liệu kỹ thuật của phương tiện vận tải chuyên dùng, thể hiện rõ tên phương tiện, năm sản xuất, tính năng kỹ thuật, tình trạng phương tiện, công suất, chức năng và ảnh chụp phương tiện vận tải chuyên dùng. d) Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác (bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định quan hệ mua bán, nhập khẩu. e) Danh mục máy móc, thiết bị của dự án đầu tư đã được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định của pháp luật. f) Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau (nếu có): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Thời hạn giải quyết	05 hoặc 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm tra hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 21, Mẫu số 22 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư
---------------------------------------	--

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị xác nhận
phương tiện vận tải chuyên
dùng trong dây chuyền công
nghệ sử dụng trực tiếp cho
hoạt động sản xuất của dự
án đầu tư

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố.....

Tổ chức/Cá nhân.....

Mã số thuế.....

CMND/Hộ chiếu số.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại/số fax:.....

Đại diện pháp luật:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh..... xem xét xác nhận phương tiện vận tải chuyên
dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự
án đầu tư cụ thể như sau:

Nhập khẩu tại cơ quan hải quan (dự kiến):.....

Thời gian nhập khẩu (dự kiến):.....

Hợp đồng ủy thác/hợp đồng mua bán, tài liệu liên quan khác (nếu có):.....

Đơn vị ủy thác nhập khẩu (nếu có):.....

Nội dung về phương tiện vận tải chuyên dùng dự kiến nhập khẩu:.....

Số TT	Tên phương tiện vận tải chuyên dùng	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá dự kiến	Năm sản xuất	Công suất	Số, ngày chứng từ liên quan (nếu có)	Xuất xứ	Ghi chú

Tổ chức/cá nhân cam kết về tính chính xác của thông tin trên. Tổ chức/cá nhân cam kết nhập khẩu phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư và chịu hoàn toàn trước pháp luật về cam kết này.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v phương tiện vận tải
chuyên dùng trong dây
chuyền công nghệ sử dụng
trực tiếp cho hoạt động sản
xuất của dự án đầu tư

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty/tổ chức/.....(1).

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư của tổ chức/cá nhân(1),

Căn cứ vào(2), Ủy ban nhân dân tỉnh..... thông báo như sau:

Danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư của tổ chức/cá nhân.....(1) dự kiến nhập khẩu:

Số TT	Tên phương tiện vận tải chuyên dùng	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá dự kiến	Năm sản xuất	Công suất	Số, ngày chứng từ liên quan (nếu có)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện vận tải nói trên phải sử dụng đúng mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư./.

CHỦ TỊCH

(hoặc người được ủy quyền)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

27. Tên thủ tục: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức

Trình tự thực hiện	- Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị xác nhận của tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xác nhận. Trường hợp từ chối xác nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị xác nhận. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa và gửi lại UBND thành phố Hải Phòng/Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động do tổ chức gửi, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng thẩm định và cấp Giấy chứng nhận hoạt động và gửi cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động của tổ chức, bao gồm:

	+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động của tổ chức theo mẫu số B1-TCHĐUD tại Phụ lục VI; + Bản sao có chứng thực của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; + Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển) theo mẫu số B2-TMDAUD tại Phụ lục VI; + Xác nhận bằng văn bản của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (đối với tổ chức thuộc quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ); xác nhận bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ nơi tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ cao (đối với tổ chức không thuộc quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) theo mẫu số B3-XNDAUD tại Phụ lục VI; -Hồ sơ được lập thành 02 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ phô tô.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao dành cho tổ chức theo Mẫu B1-TCH ĐUD Phụ lục 6VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu B2-TMDAUD Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP;

	- Xác nhận thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu B3-XNDAUD Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Mẫu B1-TCHĐUD
Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**
(Mẫu đơn này dành cho tổ chức)

Kính gửi:

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện dự án:

Số điện thoại:

Fax :

2. Thực hiện dự án đầu tư..... theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ sau :

- Bản sao có chứng thực của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

- Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao.

- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao.

Đại diện tổ chức đề nghị

(Ký tên-đóng dấu)

Mẫu B2-TMDAUD

THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	Tên Dự án:
2	Cấp quản lý (nếu có):
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:
4	Kinh phí:
Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng (hoặc USD)	
Các giai đoạn đầu tư:	
- Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD) - Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD) ...	
Xuất xứ nguồn vốn:	
- Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng - Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD) - Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)	
Hình thức đầu tư	
5	Tổ chức chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao (nếu có)
Tên tổ chức:	
Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:	
Điện thoại: Fax:	
E-mail:	

Địa chỉ:			
6	Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao		
Họ và tên: Học hàm/học vị: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:			
7	Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
8	Xuất xứ dự án ứng dụng công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):		
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và làm chủ công nghệ của dự án ở trong và ngoài nước (thể hiện rõ quan điểm của tổ chức, cá nhân chủ trì dự án về tính cấp thiết của dự án ứng dụng công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
9.1. Ngoài nước:			
9.2. Trong nước:			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	Mục tiêu của dự án ứng dụng công nghệ cao		
10.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội (dự án ứng dụng công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...) 10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	Nội dung dự án ứng dụng công nghệ cao		
11.1. Giải trình công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao: Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công			

nghệ.

- Giải trình rõ công nghệ của dự án là công nghệ nào thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ (phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ); mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ.
- Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương, ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.
- Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...

11.2. Giải trình dự án đáp ứng một trong các trường hợp sau:

- Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới tại Việt Nam.
- Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ.
- Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu.

11.3. Giải trình về lực lượng lao động tham gia dự án:

11.4. Giải trình về hoạt động triển khai thực hiện nghiên cứu, phát triển và ứng dụng của dự án:

- Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng:
- Nội dung chi phí cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng:

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường (trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành).

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ của ngành, góp phần đổi mới công nghệ của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

12	Tiến độ thực hiện
----	-------------------

STT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)
1				

III. Kết quả của dự án ứng dụng công nghệ cao

13	Dang kết quả dự kiến của dự án
----	--------------------------------

Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các kết quả khác.

14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với kết quả dự án
----	--

STT	Kết quả dự án và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						

15	Hiệu quả của dự án
----	--------------------

- Hiệu quả về khoa học và công nghệ
- Hiệu quả về kinh tế
- Hiệu quả về xã hội

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì dự án
(nếu có)

Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án

(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

(Ký tên, họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN THUYẾT MINH
DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

1. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao

.....
.....

2. Tổ chức và cá nhân thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao

- Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án

.....

- Địa điểm thực hiện dự án

.....

Cơ quan chủ quản/cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh xác nhận những thông tin trên là đúng với Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo mẫu quy định.

....., ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng cơ quan

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

28. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân

Trình tự thực hiện	- Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao. - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng trực tiếp tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị xác nhận cho cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xác nhận. Trường hợp từ chối xác nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị xác nhận. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động do cá nhân gửi, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng thẩm định và cấp Giấy chứng nhận hoạt động và gửi cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân bao gồm:

	+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động của cá nhân theo mẫu số B1-CNHDUD tại Phụ lục VI; + 02 ảnh cỡ 4x6 cm; + Bản phô tô Giấy chứng minh hoặc Hộ chiếu còn giá trị hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 để thay thế cho bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao; + Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển) theo mẫu số B2-TMDAUD tại Phụ lục VI; + Xác nhận bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ nơi cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo mẫu số B3-XNDAUD tại Phụ lục VI; -Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó có 01 một bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ phô tô.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân xin cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao dành cho cá nhân theo Mẫu B1-CNHDUD Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu B2-TMDAUD Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Đơn đề nghị xác nhận thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu B3-XNDAUD Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - <i>Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;</i> - <i>Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn này dành cho cá nhân)

Kính gửi:

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: số:..... ngày cấp.... nơi cấp.....

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện dự án:

Số điện thoại:

Fax :

2. Thực hiện dự án đầu tư..... theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng hồ sơ sau:

- 02 ảnh cỡ 4 x6 cm.

- Bản sao (được chứng thực hoặc có bản gốc để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý (nếu có);

- Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao.

- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao.

Cá nhân đề nghị

(Ký tên)

Biểu B2-TMDAUD

THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	Tên Dự án:
2	Cấp quản lý (nếu có):
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:
4	Kinh phí:
Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng (hoặc USD)	
Các giai đoạn đầu tư:	
- Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD) - Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD) ...	
Xuất xứ nguồn vốn:	
- Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng - Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD) - Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)	
Hình thức đầu tư	
5	Tổ chức chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao (nếu có)
Tên tổ chức:	
Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:	

Điện thoại:				Fax:			
E-mail:							
Địa chỉ:							
6		Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao					
Họ và tên:							
Học hàm/học vị:							
Điện thoại:				Fax:			
E-mail:							
Địa chỉ:							
7		Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao					
TT	Tên tổ chức		Địa chỉ			Cơ quan chủ quản	
1							
8		Xuất xứ dự án ứng dụng công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):					
9		Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và làm chủ công nghệ của dự án ở trong và ngoài nước (thể hiện rõ quan điểm của tổ chức, cá nhân chủ trì dự án về tính cấp thiết của dự án ứng dụng công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)					
9.1. Ngoài nước:							
9.2. Trong nước:							
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu							
10		Mục tiêu của dự án ứng dụng công nghệ cao					
10.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội (dự án ứng dụng công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...)							
10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)							

11	Nội dung dự án ứng dụng công nghệ cao
	11.1. Giải trình công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao: • Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. • Giải trình rõ công nghệ của dự án là công nghệ nào thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. • Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ (phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ); mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ. • Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương, ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước. • Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,... 11.2. Giải trình dự án đáp ứng một trong các trường hợp sau: • Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới tại Việt Nam. • Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ. • Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu. 11.3. Giải trình về lực lượng lao động tham gia dự án: 11.4. Giải trình về hoạt động triển khai thực hiện nghiên cứu, phát triển và ứng dụng của dự án: • Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng: • Nội dung chi phí cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng:

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường (trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành).

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ của ngành, góp phần đổi mới công nghệ của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

12	Tiến độ thực hiện			
STT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)
1				

III. Kết quả của dự án ứng dụng công nghệ cao

13	Dạng kết quả dự kiến của dự án					
Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các kết quả khác.						
14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với kết quả dự án					
STT	Kết quả dự án và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
15	Hiệu quả của dự án					
• Hiệu quả về khoa học và công nghệ • Hiệu quả về kinh tế • Hiệu quả về xã hội						

.....ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì dự án
(nếu có)

(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án

(Ký tên, họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN THUYẾT MINH
DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

1. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao

.....
.....

2. Tổ chức và cá nhân thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao

- Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án

.....

- Địa điểm thực hiện dự án

.....

Cơ quan chủ quản/cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh xác nhận những thông tin trên là đúng với Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo mẫu quy định.

....., ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng cơ quan

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

29. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao

Trình tự thực hiện	Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành có liên quan. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. + Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức cuộc họp với Bộ, ngành, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan để làm rõ những vấn đề nêu trong hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. + Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao bao gồm: + Đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo mẫu số B1-DNCNC tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; + Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; + Bản thuyết minh doanh nghiệp đã đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao theo mẫu số B2-TMDNCNC tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó có 01 một bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ phô tô.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo Mẫu B1-DNCNC tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. - Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao theo Mẫu B2-TMDNCNC tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - <i>Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;</i> - <i>Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
--	--

	32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp đề nghị:

Trụ sở doanh nghiệp:

Địa chỉ doanh nghiệp:

Số điện thoại: Fax :

2. Đại diện doanh nghiệp

Họ và tên:

Chức vụ:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: số:..... ngày cấp.... nơi cấp.....

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng hồ sơ sau:

- Bản sao (được chứng thực hoặc có bản gốc để đối chiếu) của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

Đại diện doanh nghiệp đề nghị

(Ký tên-đóng dấu)

Biểu B2-TMDNCNC

Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

**THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

I. Thông tin chung	
1	Tên doanh nghiệp:
2	Các sản phẩm chính:
3	Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax:
4	Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:
5	Hình thức đầu tư:
Bên Việt Nam (tên công ty)	
Bên nước ngoài (tên công ty)	
6	Thông tin doanh nghiệp
6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay	
- Địa chỉ: - Diện tích sử dụng:	
6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp	
6.3. Thời điểm chính thức sản xuất	
6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp	

6.5. Tổng vốn đầu tưVN đồng/

.....USD,

trong đó:

Vốn cố định:.....VN đồng/

.....USD, bao gồm

+ Nhà xưởng.....m², trị giá.....VN đồng/USD

+ Văn phòng.....m², trị giá.....VN đồng/USD

+ Trang thiết bị công nghệ.....trị giá.....VN đồng/USD

+ Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định.....VN đồng/USD

Vốn cố định khác.....VN đồng/USD

Vốn pháp định.....VN đồng/USD

+ Bên Việt Nam.....%, là.....USD

Gồm: - Tiền, tương đương.....USD

- Tài sản khác, tương đương.....USD

+ Bên nước ngoài.....%, là.....USD

Gồm: - Tiền, tương đương.....USD

- Tài sản khác.....USD

7	Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1			
8	Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về vai trò quan trọng sản phẩm tạo ra đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
8.1. Ngoài nước:			
8.2. Trong nước:			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			

9	Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp
	9.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội (giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...) 9.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)
10	Nội dung thuyết minh doanh nghiệp công nghệ cao (giải trình việc đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định pháp luật hiện hành)
	• Tiêu chí 1 • Tiêu chí 2 • Giải trình dây chuyền công nghệ: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có): • Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường). • Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp. • Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...). • Lao động và đào tạo. • An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. •
III. Sản phẩm công nghệ cao	
11	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
12	Đóng góp của doanh nghiệp công nghệ cao					
• Đối với khoa học và công nghệ • Đối với kinh tế - xã hội						

....., ngày tháng năm 20....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên, họ và tên)

30. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức

Trình tự thực hiện	- Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao. - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị xác nhận cho tổ chức, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xác nhận. Trường hợp từ chối xác nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị xác nhận. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động do tổ chức gửi, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng thẩm định và cấp Giấy chứng nhận hoạt động và gửi cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức, bao gồm:

	+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức theo mẫu số B1-TCĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; + Bản sao có chứng thực của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; + Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển) theo mẫu số B2-TMĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; + Xác nhận bằng văn bản của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (đối với tổ chức thuộc quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) theo mẫu số B3-XNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó có 01 một bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ phô tô.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức theo mẫu số B1-TCĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP;

	- Thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo mẫu số B2-TMĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Xác nhận thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo mẫu số B3-XNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - <i>Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;</i> - <i>Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao;

	- Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
--	--

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn này dành cho tổ chức)

Kính gửi:

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện đề tài, đề án:

Số điện thoại:

Fax:

2. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng hồ sơ sau:

- Bản sao có công chứng của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
- Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao./.

Đại diện tổ chức đề nghị

(Ký tên-đóng dấu)

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	Tên đề tài, đề án:
2	Cấp quản lý (nếu có):
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của đề tài, đề án:
4	Kinh phí:
Tổng kinh phí đầu tư : triệu đồng (hoặc USD)	
Các giai đoạn đầu tư :	
• Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD)	
• Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD)	
• ...	
Xuất xứ nguồn vốn :	
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng	
• Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD)	
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)	
Hình thức đầu tư	
5	Tổ chức chủ trì đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (nếu có)
Tên tổ chức:	
Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:	
Điện thoại: Fax:	
E-mail:	
Địa chỉ:	
6	Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
Họ và tên:	

Học hàm/học vị: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:			
7	Các tổ chức phối hợp thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
8	Xuất xứ đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của đề tài, đề án):		
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của đề tài, đề án ở trong và ngoài nước		
9.1. Ngoài nước: - Tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao ở nước ngoài (nêu khái quát thông tin về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, đề án...). - Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở nước ngoài (tình hình thị trường hiện tại và nhu cầu của dự kiến...). 9.2. Trong nước: - Tình hình nghiên cứu và phát triển trong nước (nêu khái quát các công trình nghiên cứu mới nhất, nêu rõ quan điểm về tính cấp thiết đối với nghiên cứu và phát triển công nghệ cao) - Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở trong nước (tình hình thị trường hiện tại và dự báo khả năng thị trường trong nước).			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	Mục tiêu của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
10.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội (đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao giải quyết những mục tiêu có hiệu quả kinh tế và có ý nghĩa tác động quan trọng lâu dài tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, khu vực, ngành, lĩnh vực,...)			
10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, nghiên cứu, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	Nội dung đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
11.1. Giải trình công nghệ của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao: - Nêu tóm tắt công nghệ của đề tài, đề án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. - Giải trình rõ công nghệ được nghiên cứu trong đề tài, đề án phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.			

- Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ (phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ); mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ.
- Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện đề tài, đề án đối với dây chuyền công nghệ đề tài, dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.
- Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...

11.2. Giải trình đề tài, đề án đáp ứng một trong các trường hợp sau:

- Công nghệ được sử dụng trong đề tài, đề án phải là công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Đề tài, đề án thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao: từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; từ công nghệ cao được giao; từ công nghệ cao được nhập khẩu, nhằm tiếp thu, làm chủ việc ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam.
 - b) Nghiên cứu tạo ra công nghệ cao thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài: nghiên cứu từng phần của công nghệ nhập khẩu; nghiên cứu giải mã công nghệ để tiếp thu các giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật của công nghệ, từng bước hoàn thiện công nghệ, nâng cao tỷ trọng nội địa hoá các công nghệ được nhập khẩu.
 - c) Nghiên cứu sáng tạo công nghệ cao mới để tạo ra công nghệ cao lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam.
- Đề tài, đề án phải có tính mới, có khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có tính độc đáo, đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam; có khả năng chuyển giao vào sản xuất trên qui mô công nghiệp.

11.3. Giải trình về lực lượng lao động tham gia đề tài, đề án: Số lượng cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 85% tổng số cán bộ của đề tài, đề án, trong đó số cán bộ có bằng đại học trở lên chiếm ít nhất 85% (kèm theo các văn bằng, chứng chỉ).

11.4. Giải trình về hoạt động tổ chức chủ trì đề tài, đề án: tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, đề án có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm được tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công đề tài, đề án; có khả năng tổ chức triển khai kết quả đề tài, đề án vào sản xuất với quy mô lớn; có khả năng hợp tác trong và ngoài nước để triển khai đề tài, đề án.

11.5. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của đề tài, đề án: phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của đề tài, đề án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích đề tài, đề án đạt các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương. Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc

biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện đề tài, đề án.

11.6. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của đề tài, đề án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ của ngành, góp phần đổi mới công nghệ của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
-

12	Tiến độ thực hiện			
STT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung đề tài, đề án)
1				

III. Kết quả của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

13	Dạng kết quả dự kiến của đề tài, đề án
	Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các kết quả khác.

14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với kết quả đề tài, đề án					
STT	Kết quả đề tài, đề án và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						

15	Hiệu quả của đề tài, đề án
	- Hiệu quả về khoa học và công nghệ - Hiệu quả về kinh tế - Hiệu quả về xã hội

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì đề tài,
đề án (nếu có)
(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì
đề tài, đề án
(Ký tên, họ và tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN TỔ CHỨC XÁC NHẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN THUYẾT MINH

ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

1. Tên đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

.....
.....

2. Tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

- Tên tổ chức/cá nhân thực hiện đề tài, đề án

.....

- Địa điểm thực hiện đề tài, đề án.....

.....

Cơ quan chủ quản/Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận những thông tin trên là đúng với Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo mẫu quy định./.

Thủ trưởng cơ quan

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

31. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân

Trình tự thực hiện	- Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao. - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị xác nhận cho cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xác nhận. Trường hợp từ chối xác nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị xác nhận. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động do cá nhân gửi, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng thẩm định và cấp Giấy chứng nhận hoạt động và gửi cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động của cá nhân, bao gồm:

	+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân theo mẫu số B1-CNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; + 01 ảnh cỡ 4x6 cm; + Bản phô tô Giấy chứng minh hoặc Hộ chiếu còn giá trị hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 để thay thế cho bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân; + Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tư cách pháp lý (nếu có) + Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển) theo mẫu số B2-TMĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; + Xác nhận bằng văn bản của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (đối với cá nhân thuộc quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ); xác nhận bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ nơi tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ cao (đối với cá nhân không thuộc quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) theo mẫu số B3-XNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó có 01 một bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ phô tô.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân xin cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao dành cho cá nhân (theo mẫu số B1-CNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP); - Thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (theo mẫu số B2-TMĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP); - Xác nhận thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (theo mẫu số B3-XNĐTĐA tại Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008; - <i>Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;</i> - <i>Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về

	việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
--	--

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO**
(Mẫu đơn này dành cho cá nhân)

Kính gửi:

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện đề tài, đề án:

Số điện thoại:

Fax :

2. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng hồ sơ sau :

- Bản sao có công chứng Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng), kèm theo 02 ảnh cỡ 4 x6 cm.
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tư cách pháp lý (nếu có).
- Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao./.

Cá nhân đề nghị

(Ký tên)

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	Tên đề tài, đề án:
2	Cấp quản lý (nếu có):
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của đề tài, đề án:
4	Kinh phí:
Tổng kinh phí đầu tư : triệu đồng (hoặc USD)	
Các giai đoạn đầu tư :	
• Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD)	
• Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD)	
• ...	
Xuất xứ nguồn vốn :	
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng	
• Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD)	
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)	
Hình thức đầu tư	
5	Tổ chức chủ trì đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (nếu có)
Tên tổ chức:	
Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:	
Điện thoại: Fax:	
E-mail:	
Địa chỉ:	
6	Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
Họ và tên:	

Học hàm/học vị: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:			
7	Các tổ chức phối hợp thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
8	Xuất xứ đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của đề tài, đề án):		
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của đề tài, đề án ở trong và ngoài nước		
9.1. Ngoài nước: - Tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao ở nước ngoài (nêu khái quát thông tin về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, đề án...). - Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở nước ngoài (tình hình thị trường hiện tại và nhu cầu của dự kiến...). 9.2. Trong nước: - Tình hình nghiên cứu và phát triển trong nước (nêu khái quát các công trình nghiên cứu mới nhất, nêu rõ quan điểm về tính cấp thiết đối với nghiên cứu và phát triển công nghệ cao) - Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở trong nước (tình hình thị trường hiện tại và dự báo khả năng thị trường trong nước).			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	Mục tiêu của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
10.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội (đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao giải quyết những mục tiêu có hiệu quả kinh tế và có ý nghĩa tác động quan trọng lâu dài tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, khu vực, ngành, lĩnh vực,...)			
10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, nghiên cứu, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	Nội dung đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao		
11.1. Giải trình công nghệ của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao: - Nêu tóm tắt công nghệ của đề tài, đề án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. - Giải trình rõ công nghệ được nghiên cứu trong đề tài, đề án phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. - Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ (phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem			

xét tính hoàn thiện của công nghệ); mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ.

- Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện đề tài, đề án đối với dây chuyền công nghệ đề tài, dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.
- Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...

11.2. Giải trình đề tài, đề án đáp ứng một trong các trường hợp sau:

- Công nghệ được sử dụng trong đề tài, đề án phải là công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Đề tài, đề án thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao: từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; từ công nghệ cao được giao; từ công nghệ cao được nhập khẩu, nhằm tiếp thu, làm chủ việc ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam.
 - b) Nghiên cứu tạo ra công nghệ cao thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài: nghiên cứu từng phần của công nghệ nhập khẩu; nghiên cứu giải mã công nghệ để tiếp thu các giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật của công nghệ, từng bước hoàn thiện công nghệ, nâng cao tỷ trọng nội địa hoá các công nghệ được nhập khẩu.
 - c) Nghiên cứu sáng tạo công nghệ cao mới để tạo ra công nghệ cao lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam.
- Đề tài, đề án phải có tính mới, có khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có tính độc đáo, đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam; có khả năng chuyển giao vào sản xuất trên qui mô công nghiệp.

11.3. Giải trình về lực lượng lao động tham gia đề tài, đề án: Số lượng cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 85% tổng số cán bộ của đề tài, đề án, trong đó số cán bộ có bằng đại học trở lên chiếm ít nhất 85% *(kèm theo các văn bằng, chứng chỉ)*.

11.4. Giải trình về hoạt động tổ chức chủ trì đề tài, đề án: tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, đề án có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm được tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công đề tài, đề án; có khả năng tổ chức triển khai kết quả đề tài, đề án vào sản xuất với quy mô lớn; có khả năng hợp tác trong và ngoài nước để triển khai đề tài, đề án.

11.5. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của đề tài, đề án: phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của đề tài, đề án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích đề tài, đề án đạt các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương. Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện

đề tài, đề án.

11.6. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của đề tài, đề án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ của ngành, góp phần đổi mới công nghệ của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
-

12	Tiến độ thực hiện			
STT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung đề tài, đề án)
1				

III. Kết quả của đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

13	Dạng kết quả dự kiến của đề tài, đề án					
Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các kết quả khác.						
14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với kết quả đề tài, đề án					
STT	Kết quả đề tài, đề án và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
15	Hiệu quả của đề tài, đề án					
• Hiệu quả về khoa học và công nghệ • Hiệu quả về kinh tế • Hiệu quả về xã hội						

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì đề tài,

đề án (nếu có)

(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì

đề tài, đề án

(Ký tên, họ và tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN TỔ CHỨC XÁC NHẬN	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>

XÁC NHẬN THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

1. Tên đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

.....
.....

2. Tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao

- Tên tổ chức/cá nhân thực hiện đề tài, đề án

.....

- Địa điểm thực hiện đề tài, đề án.....

.....

Cơ quan chủ quản/Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận những thông tin trên là đúng với Bản thuyết minh đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo mẫu quy định./.

Thủ trưởng cơ quan
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

32. Thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

Trình tự thực hiện	- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao cho Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện. - Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp thành lập mới theo Biểu B1-DNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHHCN ngày 21 tháng 6 năm 2025; - Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo Biểu B2-TMDNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHHCN ngày 21 tháng 6 năm 2025. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho doanh nghiệp. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận gửi cho doanh nghiệp; - Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn

	thẩm định theo quy định của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. - Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận và gửi cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm tại Việt Nam thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp thành lập mới theo Biểu B1-DNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCHN ngày 21 tháng 6 năm 2025. - Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo Biểu B2-TMDNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCHN ngày 21 tháng 6 năm 2025. - Mẫu Giấy chứng nhận theo Biểu B3-DNTLM ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCHN ngày 21 tháng 6 năm 2025.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	* Hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới phải được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt. * Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã hoặc đang triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây: - Sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được

	khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ; - Sản phẩm được tạo ra từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao là sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu; - Dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm; - Hệ thống quản lý chất lượng của dự án đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương (tùy theo đặc thù dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế); - Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành. Khuyến khích dự án áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, về tiết kiệm năng lượng như: ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương; ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn tương đương. * Đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao chưa triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các tiêu chí nêu trên.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 14/11/2008. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN ngày 09/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới

	từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.
--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền)

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp đề nghị:

Trụ sở doanh nghiệp:

Số đăng ký của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ²¹.

Số điện thoại:

Fax :

2. Đại diện doanh nghiệp

Họ và tên:

Chức vụ:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu còn giá trị: số:.....
ngày cấp.... nơi cấp.....

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) hồ sơ sau :

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

²¹ Trong trường hợp không tra cứu được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Đại diện doanh nghiệp đề nghị
(Ký tên-đóng dấu)

**THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

I. Thông tin chung			
1	Tên dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:		
2	Tên doanh nghiệp thành lập mới:		
3	Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:		
4	Kinh phí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:		
Tổng kinh phí đầu tư : triệu đồng (hoặc USD)			
Các giai đoạn đầu tư :			
• Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD)			
• Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD)			
• ...			
Xuất xứ nguồn vốn :			
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng			
• Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD)			
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)			
Hình thức đầu tư:			
5	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
Tên viết tắt (nếu có):			
Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):			
Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:			
Điện thoại: Fax:			
E-mail:			
Địa chỉ:			
6	Đại diện doanh nghiệp		
Họ và tên:			
Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Số hộ chiếu còn giá trị:			
Điện thoại: Fax:			
E-mail:			
Địa chỉ:			
7	Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú

1			
8	Xuất xứ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):		
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của dự án ở trong và ngoài nước (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về tính cấp thiết của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
9.1. Ngoài nước:			
9.2. Trong nước:			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	Mục tiêu của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
10.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội (dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế –xã hội của đất nước, của địa phương, ...)			
10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra của dự án đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	Nội dung dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao		
11.1. Giải trình công nghệ của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:			
- Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. - Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ. - Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước. - Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...			
11.2. Giải trình các đặc điểm của sản phẩm tạo ra của dự án:			
- Giải trình rõ sản phẩm tạo ra phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành. - Giải trình về chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường, và khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của sản phẩm. - Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất			

khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

11.3. Giải trình dây chuyền công nghệ của dự án: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ dự án (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: theo các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của ngành, góp phần đổi mới công nghệ sản xuất của địa phương, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

12	Tiến độ thực hiện			
STT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)
1				
III. Sản phẩm của dự án				
13	Dạng kết quả dự kiến của dự án			
Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các sản phẩm khác.				

14	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra					
STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
15	Hiệu quả của dự án					
• Hiệu quả về khoa học và công nghệ • Hiệu quả về kinh tế • Hiệu quả về xã hội						

....., ngày tháng năm 20....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên, họ và tên)

**[ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN****DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

Số chứng nhận:...../DNTLM

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số/20xx/QĐ-TTg ngày tháng năm 20... của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;
- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên doanh nghiệp:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số
ngày cấp..... nơi cấp

Địa chỉ thực hiện dự án:

Là doanh nghiệp thành mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao “tên dự án” và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

Số đăng ký:; quyển số:; ngày tháng năm

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày cấp và có giá trị đến khi kết thúc dự án.

....., ngày tháng năm 20...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Mặt sau Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

- 1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*
- 2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*
- 4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*

33. Thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

Trình tự thực hiện	a) Nộp Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao về Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng nơi đặt trụ sở cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện. b) Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng tổ chức tiếp nhận, thẩm định Hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần Hồ sơ - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B4a-TCCSUT; Biểu B4b-CNCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; - Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này (Biểu B5-TMCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; - Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B6a-LLKH); danh sách các chuyên gia tư vấn (Biểu B6b-DSCG) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; - Văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia cơ sở ươm tạo công nghệ cao). Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị, máy móc của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, trường hợp sử dụng của các đơn vị liên kết, phải có các văn bản chứng minh năng lực của các đơn vị này; - Văn bản chứng minh hợp tác, liên kết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong nước và ngoài nước. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. Nếu quá thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận gửi cho tổ chức, cá nhân. - Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định theo quy định của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. - Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao và gửi cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao nếu cơ sở ươm tạo công nghệ cao tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng được phân quyền.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B4a-TCCSUT; Biểu B4b-CNCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025; - Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này (Biểu B5-TMCSUT) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025; - Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B6a-LLKH); danh sách các chuyên gia tư vấn (Biểu B6b-DSCG) ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao nếu cơ sở ươm tạo công nghệ cao có đủ các điều kiện sau đây và có nhu cầu cấp Giấy Chứng nhận gửi hồ sơ về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị cấp Giấy Chứng nhận. - Công nghệ được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Hạ tầng kỹ thuật a) Có địa điểm đặt trụ sở gắn kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu như trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao; b) Có diện tích đảm bảo đủ cung cấp cho ít nhất 10 dự án ươm tạo đồng thời; c) Phòng thí nghiệm, phòng sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị thiết yếu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích phòng thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007; d) Phòng hội thảo có sức chứa tối thiểu 25 người, được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phù hợp sử dụng tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, cũng như sử dụng làm phòng họp, làm việc nhóm;

	đ) Có dịch vụ tra cứu cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế, gắn kết với các địa chỉ tra cứu cơ sở dữ liệu như VISTA của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia; e) Có các thiết bị văn phòng dùng chung. - Đội ngũ quản lý Đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải có ít nhất 05 thành viên và đáp ứng các điều kiện sau: a) Có chứng chỉ đào tạo về quản lý ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ; b) Có kinh nghiệm về quản lý liên quan đến hoạt động ươm tạo. - Đội ngũ chuyên gia tư vấn Có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có hợp đồng tư vấn dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong mỗi lĩnh vực công nghệ ươm tạo, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý và quản trị doanh nghiệp, marketing. Chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Trình độ chuyên môn: Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn và đạt trình độ đại học trở lên, sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tư vấn; b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn; c) Ưu tiên các chuyên gia trong cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ; khuyến khích các chuyên gia tư vấn nước ngoài, chuyên gia người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Khả năng liên kết với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; - Có kế hoạch kinh doanh phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao; - Các điều kiện khác. a) Có chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; b) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao. Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015 về hệ thống quản lý môi trường; c) Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.
--	---

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 14/11/2008. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 27/2013/TT-BKHHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHHCN ngày 21/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.
--	---

Các biểu mẫu kèm theo

Biểu B4a-TCCSUT
08/2025/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO (Mẫu đơn dành cho tổ chức)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền)

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax:

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Số đăng ký của một trong số các giấy tờ sau: Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư²².

4. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) hồ sơ sau:

a) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

b) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

c) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của tổ chức; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,...;

d) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

²² Trong trường hợp không tra cứu được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO
CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn dành cho cá nhân)

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng/thành phố...

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax:

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Số đăng ký của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng)²³.

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) hồ sơ sau:

a) 02 ảnh cỡ 4 x 6 cm.

b) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

d) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của cá nhân; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,...;

đ) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

²³ Trong trường hợp không tra cứu được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đề nghị tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân thành phố/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên)

I. Thông tin chung	
1	Tên cơ sở ương tạo công nghệ cao
2	Các công nghệ, sản phẩm công nghệ ương tạo chính; các doanh nghiệp ương tạo chính
3	Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax
4	Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Số định danh cá nhân/CCCD/hộ chiếu còn giá trị đối với cá nhân
5	Hình thức đầu tư
Bên Việt Nam (tên tổ chức, cá nhân)	
Bên nước ngoài (tên tổ chức, cá nhân)	
6	Thông tin cơ sở ương tạo công nghệ cao
6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay • Địa chỉ: • Diện tích sử dụng:	
6.2. Thời hạn được phép hoạt động của cơ sở ương tạo công nghệ cao	
6.3. Thời điểm chính thức hoạt động	
6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của cơ sở ương tạo công nghệ cao	
6.5. Tổng vốn đầu tư..... VN đồng USD, trong đó: • Vốn cố định:..... VN đồng USD, bao gồm	

+ Nhà xưởng..... m ² , trị giá..... VN đồng/USD + Văn phòng..... m ² , trị giá..... VN đồng/USD + Phòng hội thảo, phòng thí nghiệm và thử nghiệm..... m ² , trị giá..... VN đồng/USD + Trang thiết bị, máy móc.....trị giá..... VN đồng/USD + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định..... VN đồng/USD • Vốn cố định khác..... VN đồng/USD • Vốn pháp định VN đồng/USD + Bên Việt Nam%, là..... VN đồng/USD Gồm: - Tiền, tương đương..... VN đồng/USD - Tài sản khác, tương đương..... VN đồng/USD + Bên nước ngoài..... %, là..... VN đồng/USD Gồm: - Tiền, tương đương..... VN đồng/USD - Tài sản khác..... VN đồng/USD	
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu	
7	Mục tiêu của cơ sở ươm tạo công nghệ cao
7.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội (giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...) 7.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? Thử nghiệm, sản xuất sản phẩm công nghệ gì? Sản phẩm công nghệ tạo ra đạt trình độ nào so với các nước trong khu vực và quốc tế,...?) 7.3. Phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.	
8	Tổng quan tình hình hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao
8.1. Ngoài nước 8.2. Trong nước	
9	Định hướng công nghệ ươm tạo, loại hình doanh nghiệp ươm tạo
9.1. Giải trình rõ công nghệ được ươm tạo, sản phẩm công nghệ tạo ra phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành. 9.2. Giải trình rõ về các loại hình doanh nghiệp ươm tạo.	

10	Cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện cụ thể quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ																		
10.1. Giải trình các công nghệ được ươm tạo 10.2. Giải trình các doanh nghiệp được ươm tạo 10.3. Giải trình về hạ tầng kỹ thuật • Giải trình rõ về hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho việc ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. • Hồ sơ quy hoạch chi tiết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, bao gồm: sơ đồ vị trí địa lý và giới hạn khu đất; bản đồ hiện trạng (hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan); bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, các phòng ban chức năng; các bản vẽ minh họa; bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. • Bộ hồ sơ chi tiết chứng minh các trang thiết bị, máy móc (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành; tính đồng bộ của thiết bị); hạ tầng mạng viễn thông, internet; cơ sở dữ liệu, tài liệu nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu ươm tạo; các dịch vụ hỗ trợ khác. 10.4. Giải trình về đội ngũ quản lý và lực lượng lao động trực tiếp làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo; giải trình cụ thể về số lượng cán bộ, công nhân viên, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng làm việc của cán bộ, công nhân viên nêu trên. 10.5. Giải trình về đội ngũ chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về số lượng chuyên gia tư vấn, trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm tư vấn; các cam kết hỗ trợ tư vấn lâu dài với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia tư vấn hỗ trợ lâu dài cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc tư vấn cho các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. Danh sách các chuyên gia tư vấn được lập theo bảng sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th><th>Họ và tên</th><th>Tổ chức công tác</th><th>Nội dung việc tham gia</th><th>Thời gian làm việc cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Số tháng quy đổi₁)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table> 10.6. Giải trình về khả năng liên kết: Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc liên kết giữa các tổ chức, cá nhân liên quan đến ươm tạo; khả năng thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ vào hoạt động ươm tạo của cơ sở ươm					STT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung việc tham gia	Thời gian làm việc cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Số tháng quy đổi ₁)	1					2				
STT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung việc tham gia	Thời gian làm việc cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Số tháng quy đổi ₁)															
1																			
2																			

tạo công nghệ cao; các văn bản pháp lý cam kết, đồng ý liên kết, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân về hạ tầng kỹ thuật, vốn, chuyên gia,...

Danh sách các tổ chức, cá nhân liên kết và các nội dung liên kết

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Nội dung liên kết (Đề nghị ghi cụ thể)
1				
2				

10.7. Kế hoạch ươm tạo, kế hoạch phát triển

(thể hiện rõ vai trò của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc đầu tư, xây dựng và quản lý cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các phương pháp thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, các tổ chức, cá nhân có ý tưởng nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao tạo ra, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)

10.7.1. Bản tóm tắt

10.7.2. Chiến lược ươm tạo

Các cơ chế, chính sách của cơ sở ươm tạo công nghệ cao về việc thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

10.7.3. Sản phẩm ươm tạo

10.7.4. Thị trường

- Dự báo về xu thế phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao trên thế giới; nhu cầu chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường; khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được ươm tạo và góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng,

mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

- Dự báo về số lượng doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao được thành lập mới; khả năng thích nghi, sẵn sàng sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghệ, sản phẩm công nghệ cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước; Dự báo về nguồn lực, nhân lực KH&CN; dự báo nguồn lực, nhân lực công nghệ cao được đào tạo trong quá trình ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

10.7.5. Chiến lược marketing và tiêu thụ sản phẩm

Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc quảng bá sản phẩm, xây dựng một kế hoạch có hệ thống để thực thi và điều chỉnh các hoạt động ươm tạo sao cho tổ chức, cá nhân được ươm tạo và các doanh nghiệp có thể trao đổi và tiếp nhận sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp quan tâm.

10.7.6. Đội ngũ lãnh đạo

Cần chứng minh năng lực của đội ngũ lãnh đạo. Sơ đồ tổ chức lãnh đạo, công tác đào tạo và quản lý nhân sự trong vòng 05 năm tới.

10.7.7. Kế hoạch phát triển

- Phải tính toán chi phí và doanh thu thực tế, chi tiết để tính được lợi nhuận thu được.
- Lập kế hoạch phát triển ươm tạo, lập kế hoạch phát triển tài chính trong ngắn hạn và dài hạn.
- Trình bày hoạt động kinh doanh cụ thể trong vòng 05 năm tới.

10.7.8. Những cơ hội và nguy cơ

- Cần thể hiện được những cơ hội đặc biệt hoặc những rủi ro có thể phát sinh.
- Cần tính toán kỹ lưỡng bản kế hoạch kinh doanh trong điều kiện thuận lợi và trong tình huống bất lợi.
- Những yếu tố có thể ảnh hưởng tới hoạt động ươm tạo.

10.7.9. Kế hoạch vốn, kế hoạch triển khai duy trì hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

- **Giải trình về kế hoạch vốn:** giải trình rõ về năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

• Giải trình về tổng chi bình quân cho hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong 01 năm, bao gồm:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao; tiền công, tiền thù lao cho chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học, các khóa đào tạo tư vấn thường xuyên và chuyên sâu; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tiền chi hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo; chi cho việc marketing, quảng cáo và PR cho các sản phẩm ươm tạo thành công.
- Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho ươm tạo.
- Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ ươm tạo.
- Mua sắm các trang thiết bị, máy móc đồng bộ, hiện đại phục vụ cho việc ươm tạo.
- Tiền chi cho bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, nhà xưởng.

10.7.10. Tài liệu kèm theo

10.8. Giải trình về kế hoạch tư vấn, đào tạo thường xuyên và chuyên sâu cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo: Lập kế hoạch đào tạo theo quý, theo năm, trong đó cần nêu rõ các tiêu chí về nội dung chuyên môn cần đào tạo, dự kiến chuyên gia tư vấn đáp ứng khóa đào tạo.

10.9. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng; các quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thông tin: Giải trình rõ các quy định, các chế tài của cơ sở ươm tạo công nghệ cao để đạt được các tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tương đương với quốc tế.

10.10. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho hoạt động thường xuyên của cơ sở ươm tạo công nghệ cao; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất, thử nghiệm ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Hiệu quả của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (công nghệ cao mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế

của cơ sở ươm tạo công nghệ cao,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).

- Hiệu quả của việc phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao đối với địa phương, ngành, quốc gia.
- Hiệu quả của việc đào tạo, nâng cao nguồn lực, nhân lực KH&CN.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

III. Dự kiến một số sản phẩm đạt được của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

11	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với công nghệ, sản phẩm công nghệ tạo ra					
STT	Tên công nghệ, sản phẩm công nghệ và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng công nghệ, sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
11.1	Công nghệ					
1						
2						
11.2	Sản phẩm công nghệ					
1						
2						
11.3	Công nghệ cao					
1						
2						
11.4	Sản phẩm công nghệ cao					
1						
2						
12	Doanh nghiệp KH&CN					
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh			Ghi chú	
1						
2						

13	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao		
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Ghi chú
1			
2			
14	Doanh nghiệp công nghệ cao		
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Ghi chú
1			
2			
15	Nguồn nhân lực		
STT	Lĩnh vực chuyên môn	Dự kiến số nhân lực	Ghi chú
15.1.	Nhân lực KH&CN		
1			
2			
15.2.	Nhân lực công nghệ cao		
1			
2			
16	Đóng góp của cơ sở ươm tạo công nghệ cao		
• Đối với khoa học và công nghệ • Đối với kinh tế - xã hội			

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu-nếu có)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:										
2. Năm sinh:					3. Nam/Nữ:					
4. Học hàm:					Năm được phong:					
Học vị:					Năm đạt học vị:					
5. Lĩnh vực nghiên cứu trong 05 năm gần đây:										
Khoa học Tự nhiên			☐		Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ			☐		
Khoa học Xã hội			☐		Khoa học Nhân văn			☐		
Mã chuyên ngành KH&CN:									Tên gọi:	
(Ví dụ: mã chuyên ngành KH&CN:			1		0		6		0 3 Tên gọi: Vi sinh vật học	
(Mã chuyên ngành KH&CN căn cứ theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)										
6. Chức danh nghiên cứu:					Chức vụ hiện nay:					
7. Địa chỉ nhà riêng:										
Điện thoại NR:					; CQ: ; Mobile:					
E-mail:										
8. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:										
Tên cơ quan:										
Tên người đứng đầu:										
Địa chỉ cơ quan:										
Điện thoại:					; Fax: ; Website: http://www.					
9. Quá trình đào tạo										
Bậc đào tạo			Nơi đào tạo			Chuyên ngành		Năm tốt nghiệp		
Đại học										

Thạc sỹ				
Tiến sỹ				
Thực tập sinh khoa học				

10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)

STT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1					
2					

11. Quá trình công tác

Thời gian (từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác

12. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố
(liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 05 năm gần nhất)

STT	Tên công trình (bài báo, công trình, ...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng)	Năm công bố
1	Tạp chí quốc tế			
2	Tạp chí quốc gia			
3	Hội nghị quốc tế			

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)

STT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

14. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

STT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian

1			
2			
15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 05 năm gần đây			
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm, ...)			
STT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
1			
2			
17. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN (số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước trong và ngoài nước đã tham gia trong 05 năm gần đây)			
STT	Hình thức Hội đồng	Số lần	
1			
2			

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

....., ngày tháng năm.....

CHUYÊN GIA

(Ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

TT	Họ và tên	Lĩnh vực tư vấn	Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Chuyên gia có hợp đồng dài hạn			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
II	Chuyên gia tư vấn khác			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu-nếu có)

**[ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP
CÔNG NGHỆ CAO**

Số chứng nhận:/CSUTCNC

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025;
- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với tổ chức); Căn cước/Căn cước công dân/hộ chiếu (đối với cá nhân) số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ đặt trụ sở cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Là cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Số đăng ký:..... /.....; Quyền số:.....; ngày..... tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày tháng năm.....
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Mặt sau Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

- 1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*
- 2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*
- 4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*

¹Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

34. Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt trở lên, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nhu cầu nhận giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản thì lập 01 bộ hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời với báo cáo về tài sản.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Lập báo cáo kê khai để đăng nhập thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đối với đề nghị của tổ chức, cá nhân chủ trì; trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không có đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, hoặc không có khả năng nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định.

Bước 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì đủ điều kiện được giao.

Bước 4. Căn cứ quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ lập báo cáo kê khai bổ sung để điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Hải Phòng hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

+ Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì: 01 bản chính;
- Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng

dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

- Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng: 01 bản sao;
- Hợp đồng khoa học và công nghệ: 01 bản sao;
- Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt: 01 bản sao;
- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Bước 1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt trở lên
- Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì
- Bước 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

35. Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi Sở Khoa học và Công nghệ và các đồng sở hữu khác. Trường hợp tại Hợp đồng quy định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được nhận giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì tổ chức, cá nhân chủ trì lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cho các đồng sở hữu đồng thời với báo cáo về tài sản.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản quy định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Hải Phòng hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì: 01 bản chính;

- Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

- Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng: 01 bản sao;

- Hợp đồng khoa học và công nghệ: 01 bản sao;

- Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt: 01 bản sao;

- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Bước 1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt

- Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: người có thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản quy định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước./.